



ZNS API DOCUMENT

Version 21.08.01

Về tài liệu

Zalo Notification Service (ZNS) API cho phép doanh nghiệp quản lý các mẫu thông báo của OA và tương tác với khách hàng thông qua số điện thoại liên kết với tài khoản Zalo sử dụng các mẫu thông báo đã đăng ký với Zalo.

Bạn có thể gọi lệnh ZNS API để thực hiện một số tác vụ như:

- Gửi thông báo ZNS đến khách hàng thông qua số điện thoại liên kết với tài khoản Zalo
- Kiểm tra số quota các lệnh gửi ZNS đã thực hiện và trạng thái thông báo ZNS
- Truy xuất thông tin về template ZNS
- Truy xuất thông tin về chất lượng gửi ZNS của OA và của từng template
- Truy xuất thông tin đánh giá của khách hàng

Tài liệu này là tài liệu kỹ thuật nhằm mục đích mô tả các API liên quan đến Zalo Notification Service (ZNS) phục vụ cho việc tìm hiểu kỹ thuật. Tài liệu mang tính chất tham khảo và có thể có thay đổi tùy theo tình hình thực tế.

Prerequisite

Tài khoản Official Account (OA) cần phải được cấu hình để sử dụng OA API. [Xem hướng dẫn cấu hình OA để sử dụng API](#)

Về tài liệu	1
ZNS Template	3
1 - Nội dung thông báo ZNS	3
Cấu trúc cơ bản	3
Cấu hình Text Section	4
Cấu hình Table Section	4
2 - Notification trên màn hình chờ khi user nhận thông báo ZNS	6
ZNS API Send Message	7
Method: POST	7
Kết quả trả về	8
Bảng mã lỗi	8
Sự kiện thiết bị người dùng nhận thông báo ZNS	10
ZNS API Get Message Status	11
Method: GET	11
Kết quả trả về	11
Bảng mã lỗi	12
ZNS API Get All Template	13
Method: GET	13
Kết quả trả về	13
ZNS API Get Template Info	15
Method: GET	15
Kết quả trả về	15
ZNS API Get Template Sample Data	16
Method: GET	16
Kết quả trả về	16
ZNS Development Mode	17
Method: POST	17

ZNS Template

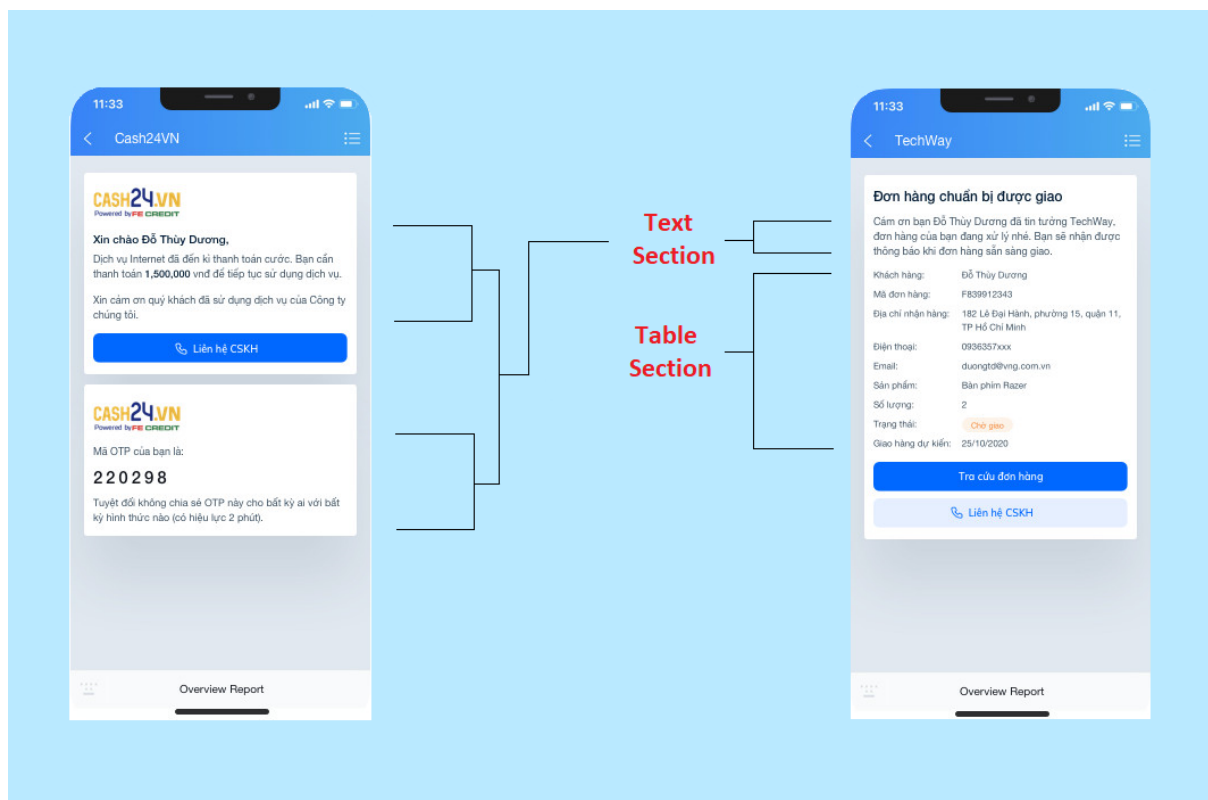
Doanh nghiệp cần phải đăng ký cài đặt ZNS Template (mẫu ZNS) với Zalo trước khi sử dụng. ZNS Template có 2 nhóm thông tin chính:

- Nội dung thông báo ZNS.
- Notification trên màn hình chờ khi user nhận được thông báo ZNS.

1 - Nội dung thông báo ZNS

Cấu trúc cơ bản

Gồm Text Section và Table Section



Cấu hình Text Section

- Thành phần này bắt buộc phải có.
- Hiển thị dưới dạng: Ký tự.
- Số lượng tối đa: 5 paragraphs.
- Cài đặt: Doanh nghiệp đăng ký với Zalo phần nội dung cố định và các nội dung tùy biến cho từng ZNS template.
- Các loại nội dung tùy biến:
 - Ngày tháng: dd/mm/yyyy
 - Thời gian: Theo chuẩn 24h (hh:mm)
 - Mã đơn hàng, mã khách hàng: Gồm chữ và số, chuẩn sẽ tùy theo tình hình thực tế.
 - Array (dạng ký tự) với các phần tử được khai báo trước.
 - Số.
- Các cấu hình cho phép:
 - Điều chỉnh cỡ chữ
 - Điều chỉnh màu chữ
 - Điều chỉnh in đậm
 - Canh lề: Trái, phải, giữa cho từng paragraph.

Cấu hình Table Section

- Thành phần này không bắt buộc phải có.
- Hiển thị dưới dạng: Bên trái là tiêu đề (row name - dạng ký tự), bên phải là nội dung (row content) là ký tự.
- Số lượng tối đa: 10 rows.
- Cài đặt:
 - Row name, và số lượng row sẽ cố định theo ZNS template mà doanh nghiệp đăng ký với Zalo.
 - Row content phải theo chuẩn đã đăng ký.
 - Các loại nội dung tùy biến:
 - Ngày tháng: dd/mm/yyyy
 - Thời gian: Theo chuẩn 24h (hh:mm)
 - Mã đơn hàng, mã khách hàng: Gồm chữ và số, chuẩn sẽ tùy theo tình hình thực tế.
 - Array (dạng ký tự) với các phần tử được khai báo trước.
 - Số.
- Cấu hình cho phép:
 - Row name: Có thể có hoặc không có. Nếu có, bắt buộc phải theo format ký tự đã có sẵn.
 - Row content:
 - Điều chỉnh màu chữ và màu background của chữ
 - Điều chỉnh in đậm, in nghiêng
 - Nếu là QR code: Điều chỉnh phần trăm width của hình so với width của field content.

* Khuyến nghị về quy chuẩn:

- Đối với ngày tháng: Phân cách bởi dấu xiết ("/")
dd/mm/yyyy
Vd: 28/04/1999
- Đối với giờ: Chuẩn 24 giờ, cách nhau bởi dấu 2 chấm (":")
hh:mm
Vd: 14:23 hoặc 14:23:40s

2 - Notification trên màn hình chờ của user khi hiển thị thông báo ZNS



- Trong trường hợp User không tắt hoặc có các cài đặt đặc biệt liên quan đến notification từ Zalo app, doanh nghiệp có thể điều chỉnh nội dung của notification khi hiển thị trên điện thoại của user.
- Cài đặt: Doanh nghiệp đăng ký với Zalo phần nội dung cố định và các nội dung tùy biến cho từng ZNS template. Một template chỉ được sử dụng bởi OA và app tạo ra nó. Có thể sử dụng lại nội dung của Text Section trong phần nội dung của thông báo ZNS cho cài đặt này.

Gửi thông báo ZNS

Gửi thông báo ZNS

HTTP request

URL: `https://business.openapi.zalo.me/message/template`

Method: **POST**

Content Type: `application/json`

Response Type: `application/json`

Example request

```
curl
-X POST
-H "Content-Type: application/json" -d '{
  "phone": "84987654321",
  "template_id": "7895417a7d3f9461cd2e",
  "template_data": {
    "ky": "1",
    "thang": "4/2020",
    "start_date": "20/03/2020",
    "end_date": "20/04/2020",
    "customer": "Nguyễn Thị Hoàng Anh",
    "cid": "PE010299485",
    "address": "VNG Campus, TP.HCM",
    "amount": "100",
    "total": "100000",
  },
  "tracking_id": "tracking_id"
}' "https://business.openapi.zalo.me/message/template"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo

Cấu trúc body của request

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
---------	--------------	---------------	-------

phone	string	yes	SĐT của người nhận. Lưu ý: SĐT phải được liên kết với tài khoản Zalo và được viết ở định dạng chuẩn hóa theo mã quốc gia. (VD: SĐT 0987654321 viết theo định dạng chuẩn hóa của Việt Nam là 84987654321)
template_id	string	yes	ID của template muốn sử dụng. <template_id> sẽ được phía Zalo cung cấp riêng cho từng đối tác.
template_data	JSON object	yes	Các thuộc tính của template mà đối tác đã đăng ký với Zalo. Lưu ý: Cấu trúc <template_data> được quy định riêng ứng với từng template.
tracking_id	string	yes	Mã số đánh dấu lần gọi API của đối tác, do đối tác định nghĩa. Đối tác có thể dùng <tracking_id> để đối soát mà không phụ thuộc vào <message_id> của Zalo cung cấp. Lưu ý: Tham số có độ dài tối đa 48 ký tự và không chứa ký tự đặc biệt.

Ghi chú: ZNS API Send Message có hỗ trợ mã hoá AES/CBC/PKCS5Padding. Chi tiết sẽ được trao đổi cụ thể trong lúc thực thi tích hợp nếu doanh nghiệp có yêu cầu.

Example respond

```
{
  "error": 0,
  "message": "Success",
  "data": {
    "msg_id": "a4d0243feee163bd3af2"
    "sent_time": "1626926349402",
    "quota": {
      "dailyQuota": "500",
      "remainingQuota": "499"
    }
  }
}
```

Cấu trúc thuộc tính data

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
msg_id	string	ID của thông báo ZNS.
sent_time	string	Thời gian gửi thông báo ZNS (định dạng timestamp).
quota	object	Thông tin quota thông báo ZNS của OA.

Cấu trúc thuộc tính data.quota

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
dailyQuota	string	Số thông báo ZNS OA được gửi trong 1 ngày. Lưu ý: Hạn mức gửi ZNS mỗi ngày của OA sẽ tự động được điều chỉnh dựa theo chất lượng và nhu cầu gửi. Xem thêm chi tiết về cơ chế đánh giá chất lượng và quyền lợi gửi ZNS tại đây .
remainingQuota	string	Số thông báo ZNS OA được gửi trong ngày còn lại.

Gửi thông báo ZNS sử dụng development mode

Khi có nhu cầu gửi thử mẫu ZNS để kiểm tra trước khi gửi chính thức, bạn có thể gọi lệnh ZNS API ở chế độ development (development mode).

Lưu ý: Chế độ development chỉ hỗ trợ gửi thử mẫu ZNS đến quản trị viên của ứng dụng hoặc quản trị viên của OA.

HTTP request

URL: `https://business.openapi.zalo.me/message/template`

Method: **POST**

Content Type: `application/json`

Response Type: `application/json`

Example request

```
curl
-X POST
-H "Content-Type: application/json" -d '{
  "mode": "development",
  "phone": "84987654321",
  "template_id": "7895417a7d3f9461cd2e",
  "template_data": {
    "ky": "1",
    "thang": "4/2020",
    "start_date": "20/03/2020",
    "end_date": "20/04/2020",
    "customer": "Nguyễn Thị Hoàng Anh",
    "cid": "PE010299485",
    "address": "VNG Campus, TP.HCM",
    "amount": "100",
    "total": "100000",
  },
  "tracking_id": "tracking_id"
}' "https://business.openapi.zalo.me/message/template"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo

Cấu trúc body của request

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
mode	string	yes	Tham số cho biết thông báo sẽ được gửi ở chế độ development. Giá trị nhận vào: <ul style="list-style-type: none"> development
phone	string	yes	SĐT của quản trị viên ứng dụng hoặc quản trị viên OA. Lưu ý: SĐT phải được liên kết với tài khoản Zalo và được viết ở định dạng chuẩn hóa theo mã quốc gia. VD: SĐT 0987654321 viết theo định dạng chuẩn hóa của Việt Nam là 84987654321)(
template_id	string	yes	ID của template muốn sử dụng. <template_id> sẽ được phía Zalo cung cấp riêng cho từng đối tác.
template_data	JSON object	yes	Các thuộc tính của template mà đối tác đã đăng ký với Zalo. Lưu ý: Cấu trúc <template_data> được quy định riêng ứng với từng template.
tracking_id	string	yes	Mã số đánh dấu lần gọi API của đối tác, do đối tác định nghĩa. Đối tác có thể dùng <tracking_id> để đối soát mà không phụ thuộc vào <message_id> của Zalo cung cấp. Lưu ý: Tham số có độ dài tối đa 48 ký tự và không chứa kí tự đặc biệt.t

Example respond

```
{
  "data": {
    "sent_time": "1619595918601",
    "msg_id": "b15f0398cb7a1e264769"
  },
  "error": 0,
  "message": "Success"
}
```

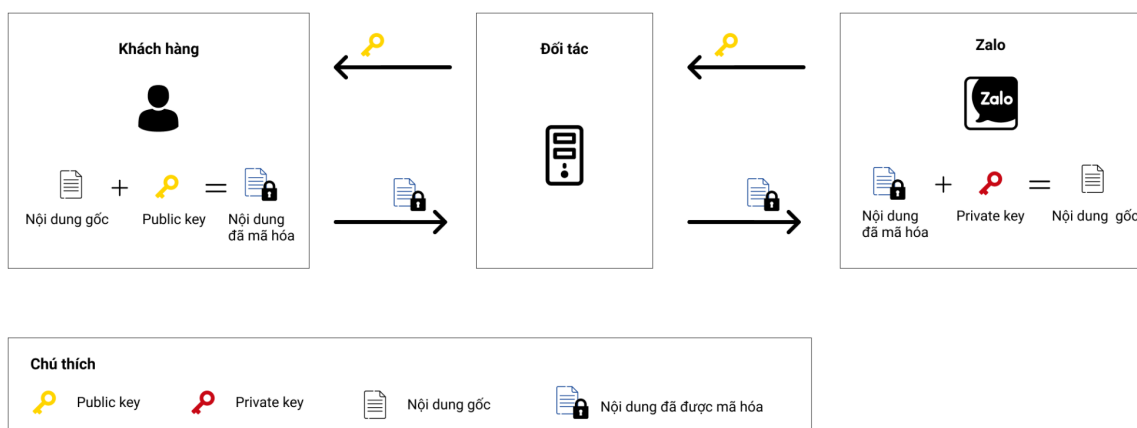
Cấu trúc thuộc tính data

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
sent_time	string	Thời gian gửi thông báo ZNS (định dạng timestamp).
msg_id	string	ID của thông báo ZNS.

Gửi nội dung được mã hóa (sử dụng hệ mã hóa RSA)

API cho phép khách hàng của đối tác mã hóa nội dung thông báo trước khi truyền đến hệ thống của đối tác để thực hiện xử lý lệnh. Nội dung đã mã hóa sẽ được dịch lại ở phía Zalo.

Tổng quan luồng mã hóa nội dung



Bước 1: Tạo RSA key

API tạo RSA key cho phép đối tác tạo 1 cặp key gồm public key và private key. Public key sẽ được trả về cho đối tác để cung cấp cho khách hàng. Private key sẽ được Zalo lưu trữ để giải mã nội dung nhận được từ phía đối tác trước khi gửi đến người dùng.

Trong trường hợp đối tác đã tạo RSA key, vui lòng sử dụng [API get public key](#) để nhận được public key.

a. Tạo public key

Request URL

URL: <https://business.openapi.zalo.me/rsa/key/gen>

Method: GET

Content type: application/json

Respond type: text/json

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json" -d
"https://business.openapi.zalo.me/rsa/key/gen"
```

Tham số header

Tên Header	Kiểu dữ liệu	Mô tả
access_token	string	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo .

Example respond

```
{
  "data": {
    "public_key": "e6fa968f027"
  },
  "error": 0,
  "message": "Success"
}
```

Cấu trúc tham số data

Tên biến	Kiểu dữ liệu	Mô tả
public_key	string	Public key để khách hàng của đối tác có thể mã hóa thông báo. Lưu ý: Public key này đã được Zalo chuyển đổi từ định dạng byte array sang string theo chuẩn mã hóa base64.

b. Lấy Public key

Request URL

URL: <https://business.openapi.zalo.me/rsa/key/get>

Method: GET

Content type: application/json

Respond type: text/json

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json" -d
"https://business.openapi.zalo.me/rsa/key/get"
```

Tham số header

Tên Header	Kiểu dữ liệu	Mô tả
access_token	string	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo

Example respond

```
{
  "data": {
    "public_key": "e6fa968f027"
  },
  "error": 0,
  "message": "Success"
}
```

Bước 2: Gửi public key cho khách hàng

Đối tác vui lòng gửi public key cho khách hàng.

Lưu ý: Public key mà đối tác nhận được ở bước 1 sẽ ở dạng string. Vui lòng sử dụng chuẩn mã hóa **base64** để chuyển đổi public key về định dạng byte array.

Bước 3: Gửi nội dung đã được mã hóa

Khách hàng của đối tác sẽ sử dụng public key để mã hóa nội dung trước khi truyền cho đối tác thực hiện gửi.

Ví dụ: Với nội dung tin nhắn gốc: “Đây là tin nhắn mẫu”, public key bạn nhận được có dạng như sau:

```
MIGfMA0GCsqGSIB3DQEBQUAA4GNADCBiQKBgQDXQLGMnu9drp11TjTzHNxZei4Urqv7li6z
xIzM7GpYGx/uQ2FidBK1Eaq6ejMcffnd5g5FEzv43bq1WyG7kBzHFVpM4Lxtv3/sd+Ng9pf7
YuufggZtEyJQMzMAf1yT3BFL+DP1GLfp0atC5Kvmc2abpfqDftvLXT9jWTZ2zYt3kwIDAQAB
```

Sử dụng public key trên để mã hóa nội dung gốc. Nội dung sau khi được mã hóa theo chuẩn base64 sẽ có dạng như sau:

```
wWvo6ofNrjH7HeMrDb9WXnWbA5XJaqKnM0hPG7oEquLrUE8FDEP6oFr7h/YPIGjyo97
GikYZufL9doJU5p2hlffn253rA0SRZWVvxBMr/haW7oca5FQs1O5jyrLeSDwT3qujiaR95V
zbReUWgy2RqBc/FC3z/1Gi5ThTdlhVFw=
```

Sau khi nhận được nội dung đã mã hóa từ phía khách hàng, đối tác sử dụng API gửi nội dung đã mã hóa để gửi thông báo đến người quan tâm thông qua Zalo. Zalo sẽ sử dụng private key (được lưu trữ bảo mật phía Zalo) để giải mã nội dung và gửi đến cho người quan tâm.

Request URL

URL: <https://business.openapi.zalo.me/rsa/message/template>

Method: **POST**

Content type: application/json

Respond type: text/json

Example request

```
curl
-X POST
-H "Content-Type: application/json"
-d "https://business.openapi.zalo.me/rsa/message/template"
```

Tham số header

Tên Header	Kiểu dữ liệu	Mô tả
access_token	string	Là một đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo

Body

Kiểu dữ liệu	Mô tả
string	Nội dung đã được mã hóa.

Example body

```
wWvo6ofNrjH7HeMrDb9WXnWbA5XJaqKnm0hPG7oEquLrUE8FDEP6oFr7h/YPIGjyo97
GkYZufL9doJU5p2hlffn253rA0SRZWvVxBMr/haW7oca5FQs1O5jyrLeSDwT3qujiaR95V
zbReUWgy2RqbC/FC3z/1Gi5ThTdlhVFw=
```

Example respond

```
{
  "data": {
    "sent_time": "1619595918601",
    "msg_id": "b15f0398cb7a1e264769"
  },
  "error": 0,
  "message": "Success"
}
```

Truy xuất thông tin

Lấy thông tin trạng thái thông báo ZNS

API cho phép đối tác truy xuất trạng thái của thông báo.

HTTP request

URL: `https://business.openapi.zalo.me/message/status`

Method: GET

Content Type: application/json

Response Type: application/json

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json"
"https://business.openapi.zalo.me/message/status?message_id=message_id&phone=phone"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo .

Tham số

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
message_id	string	yes	ID của thông báo cần lấy thông tin trạng thái.
phone	string	yes	SĐT của người nhận. Lưu ý: SĐT phải được liên kết với tài khoản Zalo và được viết ở định dạng chuẩn hóa theo mã quốc gia. (VD: SĐT 0987654321 viết theo định dạng chuẩn hóa của Việt Nam là 84987654321)

Example respond

```
{
  "message": "Success",
  "data": {
    "delivery_time": "1600328011517",
    "message": "The message was delivered to the user's phone",
    "status": 1
  },
  "error": 0
}
```

Cấu trúc thuộc tính data

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
delivery_time	string	Thời gian thiết bị của người dùng nhận được thông báo ZNS.
status	int	Trạng thái của thông báo.
message	string	Mô tả trạng thái thông báo. Các giá trị trả về: <ul style="list-style-type: none"> • -1: The message does not exist • 0: The message is pushed successfully to Zalo server but has not yet delivered to user's phone • 1: The message was delivered to the user's phone

Lấy thông tin quota thông báo ZNS

API cho phép đối tác truy xuất thông tin quota (số lượng) thông báo ZNS OA được gửi mỗi ngày.

HTTP request

URL: `https://business.openapi.zalo.me/message/quota`

Method: GET

Content Type: `application/json`

Response Type: `text/json`

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json"
"https://business.openapi.zalo.me/message/quota"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo

Example respond

```
{
  "data": {
    "dailyQuota": 500,
    "remainingQuota": 499
  },
  "error": 0,
  "message": "success"
}
```

Cấu trúc thuộc tính data

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
dailyQuota	int	Số thông báo ZNS OA được phép gửi trong 1 ngày. Lưu ý: Hạn mức gửi ZNS mỗi ngày của OA sẽ tự động được điều chỉnh dựa theo chất lượng và nhu cầu gửi.

		Xem thêm chi tiết về cơ chế đánh giá chất lượng và quyền lợi gửi ZNS tại đây .
remainingQuota	int	Số thông báo ZNS OA được gửi trong ngày còn lại

Lấy thông tin loại nội dung ZNS được phép gửi

Nội dung gửi ZNS được chia thành những loại nội dung sau, với cấp độ tăng dần dựa trên tính chất phức tạp và rủi ro ảnh hưởng đến trải nghiệm của người nhận:

Cấp độ	Loại nội dung ZNS	Code
0	OTP	OTP
1	Xác nhận/Cập nhật thông tin giao dịch	IN_TRANSACTION
2	Thông báo hoàn tất giao dịch và hỗ trợ có liên quan	POST_TRANSACTION
3	Cập nhật thông tin tài khoản	ACCOUNT_UPDATE
4	Cập nhật thay đổi về sản phẩm, dịch vụ	GENERAL_UPDATE

Dựa theo chất lượng gửi ZNS của OA, Zalo sẽ tự động điều chỉnh loại nội dung OA được gửi. Xem thêm chi tiết về cơ chế đánh giá chất lượng và quyền lợi gửi ZNS [tại đây](#).

API lấy thông tin loại nội dung ZNS cho phép đối tác truy xuất thông tin các loại nội dung mà OA được phép gửi.

HTTP request

URL: `https://business.openapi.zalo.me/message/template-tag`

Method: **GET**

Content Type: `application/json`

Response Type: `text/json`

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json"
"https://business.openapi.zalo.me/message/template-tag"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo .

Example respond

```
{
  "data": [
    "OTP",
    "IN_TRANSACTION",
    "POST_TRANSACTION"
  ],
  "error": 0,
  "message": "success"
}
```

Cấu trúc thuộc tính data

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
data	string array	<p>Mảng thông tin các loại nội dung mà OA có thể gửi. Các giá trị được trả về theo thứ tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> • OTP: OTP • IN_TRANSACTION: Xác nhận/Cập nhật thông tin giao dịch • POST_TRANSACTION: Thông báo hoàn tất giao dịch và hỗ trợ có liên quan • ACCOUNT_UPDATE: Cập nhật thông tin tài khoản • GENERAL_UPDATE: Cập nhật thay đổi về sản phẩm, dịch vụ

Lấy danh sách template

HTTP request

URL: `https://business.openapi.zalo.me/template/all`

Method: `GET`

Content Type: `application/json`

Response Type: `application/json`

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json"
"https://business.openapi.zalo.me/template/all?offset=0&limit=100"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo .

Tham số

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
offset	int	yes	Thứ tự của template đầu tiên trong danh sách trả về. Lưu ý: Template được tạo gần nhất sẽ có thứ tự là 0.
limit	int	yes	Số lượng template muốn lấy. Lưu ý: Mỗi request được lấy tối đa 100 template.

Example respond

```
{
  "message": "Success",
  "data": [
    {
```



```

        "templateId": 900025,
        "templateName": "Template_1",
        "createdTime": 0
        "status": "PENDING_REVIEW"
        "templateQuality": "UNDEFINED"
    }
],
"error": 0
}

```

Cấu trúc thuộc tính data

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
template_id	string	ID của template
template_name	string	Tên của template
createdTime	long	Thời gian tạo template
status	string	Trạng thái của template. Các giá trị trả về: <ul style="list-style-type: none"> • DELETED • PENDING_REVIEW • DISABLE • ENABLE • REJECT
templateQuality	string	Chất lượng gửi tin hiện tại của template. Các giá trị trả về: <ul style="list-style-type: none"> • HIGH • MEDIUM • LOW • UNDEFINED <p>Lưu ý: Trường hợp chất lượng gửi tin hiện tại của template là Low thì template có khả năng bị khóa. Xem thêm chi tiết về cơ chế đánh giá chất lượng và quyền lợi gửi ZNS tại đây.</p>

Lấy thông tin chi tiết template

HTTP request

URL: https://business.openapi.zalo.me/template/info

Method: GET

Content Type: application/json

Response Type: application/json

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json"
"https://business.openapi.zalo.me/template/info?template_id=12345"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo .

Tham số

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
template_id	int	yes	ID của template cần lấy thông tin.

Example respond

```
{
  "message": "Success",
  "data": {
    "templateId": 200445,
    "templateName": "noti_status_2 ",
    "status": "PENDING_REVIEW",
    "listParams": [
      {
        "name": "customer_name",
        "require": true,
        "type": "STRING",
        "maxLength": 30,
        "minLength": 0,
```

```

    "acceptNull": false
  },
  ],
  "timeout": 7200000
  "previewUrl":
  "https://zns.oa.zalo.me/znspreview/wNFwnoQvJ8EqH8ASbmxgtA=="
  "templateQuality": "HIGH"
},
"error": 0
}

```

Cấu trúc thuộc tính data

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
templateId	int	ID của template.
templateName	string	Tên của template.
status	string	Trạng thái template.
listParams	object array	Danh sách các thuộc tính của template.
timeout	long	Thời gian timeout của template.
previewUrl	string	Đường dẫn đến bản xem trước của template.
templateQuality	string	<p>Chất lượng gửi tin hiện tại của template.</p> <p>Các giá trị trả về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HIGH • MEDIUM • LOW • UNDEFINED <p>Lưu ý: Trường hợp chất lượng gửi tin hiện tại của template là Low thì template có khả năng bị khóa. Xem thêm chi tiết về cơ chế đánh giá chất lượng và quyền lợi gửi ZNS tại đây.</p>

Cấu trúc thuộc tính data.listParams

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
name	string	Tên thuộc tính.
require	boolean	Tính bắt buộc của thuộc tính.
type	string	Kiểu dữ liệu của thuộc tính.
maxLength	int	Số kí tự tối đa được truyền vào thuộc tính.
minLength	int	Số kí tự tối thiểu được truyền vào thuộc tính.
acceptNull	boolean	Thông tin cho biết thuộc tính có thể nhận giá trị rỗng hay không.

Lấy dữ liệu mẫu của template

HTTP request

URL: `https://business.openapi.zalo.me/template/sample-data`

Method: **GET**

Content Type: `application/json`

Response Type: `application/json`

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json"
"https://business.openapi.zalo.me/template/sample-data?template_id=12345"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo .

Tham số

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
template_id	int	yes	ID của template cần lấy thông tin.

Example respond

```
{
  "message": "Success",
  "data": {
    "balance_debt": 2000,
    "due_date": "01/01/1970",
    "number_debt": 2000,
    "customer_name": "customer_name_sample"
  },
  "error": 0
}
```

Cấu trúc respond

Tên biến	Kiểu dữ liệu	Mô tả
data	object	Chứa tham số và dữ liệu mẫu của template bạn cần truy xuất.

Lấy thông tin đánh giá của khách hàng

API cho phép lấy thông tin đánh giá khách hàng đã phản hồi qua template đánh giá dịch vụ.

Permission

Ứng dụng chỉ có thể lấy thông tin đánh giá từ template đánh giá dịch vụ được tạo bởi ứng dụng đó hoặc OA cấp quyền cho ứng dụng (Access token truyền vào phải ứng với template ID được tạo bởi app và OA).

HTTP request

URL: `https://business.openapi.zalo.me/rating/get`

Method: GET

Content Type: application/json

Response Type: application/json

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json"
"https://business.openapi.zalo.me/rating/get?template_id=203972&from_time=1616673095659&to_time=1616673271320&offset=0&limit=1"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo .

Cấu trúc body của request

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
template_id	int	yes	ID của template cần lấy thông tin.
from_time	long	yes	Thời điểm bắt đầu của khoảng thời gian cần lấy dữ liệu được gửi lên hệ thống. Lưu ý: Định dạng timestamp (đơn vị: millisecond).
to_time	long	yes	Thời điểm kết thúc của khoảng thời gian cần lấy dữ liệu được gửi lên hệ thống.

			Lưu ý: Định dạng timestamp (đơn vị: millisecond).
offset	int	yes	Vị trí thứ tự của đánh giá đầu tiên được trả về.
limit	int	yes	Số lượng đánh giá tối đa được trả về.

Example respond

```
{
  "data": {
    "total": 3,
    "data": [
      {
        "note": "Tôi rất hài lòng.",
        "rate": 5,
        "submitDate": "1616673095659",
        "msgId": "7e4c33cfc20b05575c18",
        "feedbacks": [
          "Nhân viên vui vẻ",
          "Quy trình đơn giản, hiệu quả",
          "Xử lý nhanh nhẹn",
          "Tác phong chuyên nghiệp",
          "Hướng dẫn tận tình"
        ],
        "trackingId": "1956"
      },
      {
        "note": "Phục vụ chưa tốt",
        "rate": 4,
        "submitDate": "1616673164105",
        "msgId": "4da9fb7506b1c1ed98a2",
        "feedbacks": [
          "Cải thiện thái độ nhân viên",
          "Xử lý nhanh hơn"
        ],
        "trackingId": "729"
      }
    ]
  },
  "error": 0,
}
```

Cấu trúc thuộc tính data

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
------------	--------------	-------

total	int	Tổng số lượng đánh giá được trả về.
data	array object	Dữ liệu đánh giá từ khách hàng được trả về theo dạng array. Xem cấu trúc data array bên dưới.

Cấu trúc data array

Tên biến	Kiểu dữ liệu	Mô tả
note	string	Phần ghi chú thêm của khách hàng.
rate	int	Số sao được khách hàng đánh giá.
submitDate	string	Thời điểm khách hàng submit đánh giá. Biến submitDate sẽ có giá trị trong khoảng thời gian từ from_time đến to_time (được truyền vào từ request). Lưu ý: Tính theo timestamp (millisecond).
msgId	string	ID của thông tin đánh giá.
feedback	array	Phần nhận xét từ khách hàng.
trackingId	string	Tracking ID từ phía đối tác truyền vào khi gửi ZNS.

Lấy thông tin chất lượng gửi ZNS hiện tại của OA

API cho phép đối tác truy xuất chất lượng gửi thông báo ZNS trong 48 giờ gần nhất của OA.

HTTP request

URL: `https://business.openapi.zalo.me/quality`

Method: `GET`

Content Type: `application/json`

Response Type: `text/json`

Example request

```
curl
-X GET
-H "Content-Type: application/json"
"https://business.openapi.zalo.me/quality"
```

Tham số header

Tham số	Kiểu dữ liệu	Tính bắt buộc	Mô tả
access_token	string	yes	Đoạn mã cần truyền vào để xác minh quyền sử dụng API. Xem thêm tài liệu tham khảo .

Example respond

```
{
  "data": {
    "oaCurrentQuality": "HIGH",
    "oa7dayQuality": "HIGH"
  },
  "error": 0,
  "message": "success"
}
```

Cấu trúc thuộc tính data

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
oaCurrentQuality	string	<p>Chất lượng gửi thông báo ZNS trong 48 giờ gần nhất của OA.</p> <p>Các giá trị trả về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HIGH - Mức độ chất lượng tốt • MEDIUM - Mức độ chất lượng trung bình • LOW - Mức độ chất lượng kém • UNDEFINED - Mức độ chất lượng OA chưa được xác định (trường hợp OA không gửi thông báo ZNS nào trong khung thời gian đánh giá) <p>Lưu ý: Xem thêm chi tiết về cơ chế đánh giá chất lượng và quyền lợi gửi ZNS tại đây.</p>
oa7dayQuality	string	<p>Chất lượng gửi thông báo ZNS trong 7 ngày gần nhất của OA.</p> <p>Các giá trị trả về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HIGH - Mức độ chất lượng tốt • MEDIUM - Mức độ chất lượng trung bình • LOW - Mức độ chất lượng kém • UNDEFINED - Mức độ chất lượng OA chưa được xác định (trường hợp OA không gửi thông báo ZNS nào trong khung thời gian đánh giá) <p>Lưu ý: Xem thêm chi tiết về cơ chế đánh giá chất lượng và quyền lợi gửi ZNS tại đây.</p>

Phụ lục

Bảng mã lỗi

Mã lỗi	Mô tả lỗi	Thông tin lỗi
0	Success	Gửi thành công
-100	An error has occurred	Phát sinh lỗi không xác định
-101	App is invalid	Ứng dụng gửi ZNS không hợp lệ
-102	App does not exist	Ứng dụng gửi ZNS không tồn tại
-103	App has not been approved	Ứng dụng gửi ZNS chưa được phê duyệt
-104	App secret key does not exist	Mã secret key không tồn tại
-105	App is not linked with OA	Ứng dụng gửi ZNS chưa liên kết với OA
-106	Method is not supported	Phương thức không được hỗ trợ
-107	Message Id is invalid	ID ZNS không hợp lệ
-108	Phone number is invalid	Số điện thoại không hợp lệ
-109	Template Id is invalid	ID mẫu ZNS không hợp lệ
-110	Need user update Zalo to the latest version	Người dùng chưa cập nhật Zalo phiên bản mới
-111	Template data is empty	Mẫu ZNS không có dữ liệu
-112	Template data is invalid	Dữ liệu mẫu ZNS không hợp lệ
-113	Buttons are invalid	Nút không hợp lệ
-114	User is inactive, or reject the message, or using an outdated Zalo version, or other internal errors	Người dùng không nhận được ZNS vì các lý do: Trạng thái tài khoản, Tùy chọn nhận ZNS, Sử dụng Zalo phiên bản cũ, hoặc các lỗi nội bộ khác
-115	Out of quota	Ví không đủ số dư
-116	Text is invalid	Nội dung không hợp lệ
-117	OA or App does not have permission to access this template	OA hoặc ứng dụng gửi ZNS chưa được cấp quyền sử dụng mẫu ZNS này
-118	Phone number has no Zalo account or has been inactive for more than 30 days	Số điện thoại chưa đăng ký Zalo hoặc người dùng đã vô hiệu hóa tài khoản hơn 30 ngày
-119	Account can not receive message	Tài khoản không thể nhận ZNS
-120	OA does not have permission to access this	OA chưa được cấp quyền sử dụng tính

	feature	năng này
-121	Body data is empty	Mẫu ZNS không có nội dung
-122	Body data is not json object	Nội dung mẫu ZNS không đúng định dạng json
-123	Body data cannot be decoded	Không giải mã được nội dung mẫu ZNS
-124	Access token is invalid	Mã truy cập không hợp lệ
-125	OA Id is invalid	ID OA không hợp lệ
-126	Out of quota (development mode)	Ví (development mode) không đủ số dư
-127	Test template messages can only be sent to admin	Template test chỉ có thể được gửi cho admin
-128	App does not have encoding key	Ứng dụng gửi ZNS chưa có mã encoding
-129	Encoding key cannot be generated	Mã encoding không thể được tạo ra
-130	Body data exceeds maximum character limit	Nội dung mẫu ZNS vượt giới hạn kí tự
-131	Template has not been approved	Mẫu ZNS chưa được phê duyệt
-132	Invalid parameters	Tham số không hợp lệ
-133	Messages cannot be sent at night from 10 PM to 6 AM local time (GMT+7)	Không hỗ trợ gửi ZNS trong khung giờ 22h - 6h
-134	User has not responded to opt-in inquiry from OA	Người dùng chưa phản hồi gợi ý nhận ZNS từ OA
-135	OA does not have permission to send ZNS	OA chưa được cấp quyền gửi ZNS
-136	App needs to connect with ZBA to use paid features	Ứng dụng gửi ZNS cần được kết nối với ZBA để sử dụng các tính năng trả phí
-137	ZBA associated with this app is out of money or unable to be charged	ZBA kết nối với ứng dụng gửi ZNS này đã hết số dư tài khoản hoặc không thể thanh toán
-138	App does not have permission to access this feature	Ứng dụng gửi ZNS chưa có quyền sử dụng tính năng này
-139	User has opted out of receiving messages of this kind	Người dùng đã từ chối nhận loại ZNS này
-140	OA does not have permission to send follow-up messages to this user	OA chưa được cấp quyền gửi ZNS hậu mãi cho người dùng này
-141	User no longer wants to receive messages from OA	Người dùng từ chối nhận ZNS từ OA
-142	OA does not have an RSA key, please call the RSA key generation API	OA chưa có RSA key, vui lòng gọi API tạo RSA key

-143	OA already has an RSA key, please call the get RSA key API	OA đã có RSA key, vui lòng gọi API get RSA key
-144	OA has exceeded its daily sending quota	OA đã vượt quá số lượng gửi cho phép trong ngày hôm nay
-145	OA does not have permission to send this type of template	OA không được phép gửi loại nội dung ZNS này
-146	Template has been disabled due to low quality	Mẫu ZNS này đã bị vô hiệu hóa do chất lượng thấp
-147	OA has exceeded its daily sending quota for this template	OA đã vượt quá số lượng gửi cho phép của mẫu ZNS này trong ngày hôm nay

Sự kiện người dùng nhận thông báo ZNS

Khi Official Account gửi tin nhắn cho người dùng và tin nhắn đã đến thiết bị người dùng, hệ thống Zalo sẽ gửi đến Webhook Url của ứng dụng một HTTP request như sau

URL: webhook URL của ứng dụng

Method: POST

Content Type: application/json

Example request

```
{
  "sender": {
    "id": "2893352839501541173"
  },
  "recipient": {
    "id": "1077170099018924429"
  },
  "event_name": "user_received_message",
  "message": {
    "delivery_time": "1602960467432",
    "msg_id": "15a0cc0bbb13bd4ce403",
    "tracking_id": "tracking_id"
  },
  "app_id": "2074138120372622546",
  "timestamp": "1602560967477"
}
```

Mô tả thuộc tính

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
sender.id	string	ID của Official Account gửi thông báo
recipient.id	string	ID của người dùng nhận thông báo
event_name	string	Tên sự kiện Giá trị nhận về: user_received_message
message.delivery_time	string	Thời gian thiết bị của người dùng nhận được thông báo ZNS
message.msg_id	string	ID của thông báo
message.tracking_id	string	Mã số đánh dấu lần gọi API của đối tác, do đối tác định nghĩa.

app_id	string	ID của ứng dụng gửi tin (ứng dụng mà OA đã cấp quyền)
timestamp	string	Thời điểm gửi sự kiện

Cơ chế đánh giá chất lượng và quyền lợi gửi ZNS

Từ ngày **12/08/2021**, Zalo sẽ áp dụng chính sách điều chỉnh quyền lợi gửi ZNS dựa theo phản hồi của người dùng. Chi tiết về cách đánh giá chất lượng gửi ZNS:

- Chất lượng gửi của mỗi mẫu ZNS sẽ dựa trên tỷ lệ phản hồi tiêu cực của người nhận trên số ZNS đã gửi thuộc mẫu đó.
- Chất lượng gửi ZNS của OA sẽ dựa trên tỷ lệ phản hồi tiêu cực của người nhận trên tổng số ZNS mà OA đã gửi.
- Chất lượng gửi ZNS sẽ cập nhật theo thời gian thực.

Chất lượng gửi ZNS của OA sẽ được chia làm 3 mức độ, với các quyền lợi tương ứng:

Mức độ	Tỷ lệ phản hồi tiêu cực của người nhận với ZNS đã gửi	Quy định về quyền lợi
Tốt	Nhỏ hơn hoặc bằng mức tiêu chuẩn của hệ thống.	Được xét duyệt tăng quyền lợi.
Trung bình	Cao hơn mức tiêu chuẩn nhưng vẫn nằm trong mức giới hạn cho phép.	Giữ nguyên quyền lợi cho đến khi chất lượng được cải thiện. Nếu duy trì thời gian dài ở mức này có thể dẫn đến việc giảm quyền lợi.
Kém	Vượt mức giới hạn cho phép.	Giảm quyền lợi. Ngoài ra, các mẫu ZNS ở mức kém sẽ bị vô hiệu hoá.

Quyền lợi gửi ZNS của OA sẽ được thể hiện qua 2 yếu tố:

1. Số lượng ZNS có thể gửi mỗi ngày:

- Mỗi OA sẽ khởi đầu với hạn mức **500 ZNS/ngày**.
- Dựa theo chất lượng và nhu cầu gửi, hạn mức gửi ZNS mỗi ngày của OA sẽ tự động được điều chỉnh như sau:

Số ZNS có thể gửi mỗi ngày	Điều kiện
Gấp đôi hạn mức gửi hiện tại	Chất lượng gửi ZNS trong 7 ngày gần nhất ở mức Tốt . và Tổng số ZNS đã gửi trong 7 ngày gần nhất đạt trên gấp đôi hạn mức gửi hiện tại.
Giảm một nửa hạn mức gửi hiện tại	Chất lượng gửi ZNS trong 7 ngày gần nhất ở mức Kém . hoặc Tổng số ZNS đã gửi trong 30 ngày gần nhất xuống

	dưới hạn mức gửi hiện tại.
--	----------------------------

2. Nội dung ZNS có thể gửi:

Tham khảo các [mục đích gửi ZNS](#)

- Nội dung gửi ZNS được chia thành những loại nội dung sau, với cấp độ tăng dần dựa trên tính chất phức tạp và rủi ro ảnh hưởng đến trải nghiệm của người nhận:

Cấp độ	Loại nội dung ZNS	Code
0	OTP	OTP
1	Xác nhận/Cập nhật thông tin giao dịch	IN_TRANSACTION
2	Thông báo hoàn tất giao dịch và hỗ trợ có liên quan	POST_TRANSACTION
3	Cập nhật thông tin tài khoản	ACCOUNT_UPDATE
4	Cập nhật thay đổi về sản phẩm, dịch vụ	GENERAL_UPDATE

- Khởi đầu, OA sẽ chỉ được gửi các mẫu ZNS có cấp độ thấp. Sau đó, dựa theo chất lượng gửi ZNS, Zalo sẽ tự động điều chỉnh cho phép OA gửi các loại nội dung ở cấp độ cao hơn:

Cấp độ nội dung ZNS có thể gửi	Điều kiện tăng hạn mức	Điều kiện giảm hạn mức
0, 1, 2	Chất lượng gửi ZNS trong 7 ngày gần nhất ở mức Tốt hoặc Trung bình .	
0, 1, 2, 3	Chất lượng gửi ZNS trong 7 ngày gần nhất ở mức Tốt .	Chất lượng gửi trong 7 ngày gần nhất ở mức Kém .
0, 1, 2, 3, 4		Chất lượng gửi trong 7 ngày gần nhất ở mức Kém .

- Ngoài ra, các OA thường xuyên duy trì được chất lượng gửi ZNS ở mức Tốt sẽ được Zalo mời tham gia thử nghiệm các loại ZNS đặc biệt nằm ngoài các nội dung trên.

Lưu ý đặc biệt:

- Quyền lợi gửi ZNS của OA sẽ được đánh giá **mỗi ngày**.

- Sau khi tăng hoặc giảm hạn mức quyền lợi về số tin hoặc loại nội dung, OA sẽ phải đợi 7 ngày để có thể tiếp tục được thay đổi hạn mức của quyền lợi đó. Đây là khoảng thời gian vừa đủ để Zalo có thể đánh giá chính xác về khả năng gửi ZNS của OA tại hạn mức quyền lợi mới.
- Nếu chất lượng gửi ZNS của OA thường xuyên ở mức **Kém**, bên cạnh việc giảm quyền lợi gửi, Zalo có thể đưa ra quyết định ngừng cung cấp hoàn toàn dịch vụ ZNS cho doanh nghiệp.

Truy xuất thông tin chất lượng và quyền lợi gửi ZNS qua API:

Những thông tin về chất lượng và quyền lợi gửi ZNS của OA có thể được truy xuất qua các API như sau:

Thông tin	API
Số lượng ZNS có thể gửi mỗi ngày	Lấy thông tin quota thông báo ZNS
Loại nội dung ZNS có thể gửi	Lấy thông tin loại nội dung ZNS được phép gửi
Chất lượng gửi ZNS của OA	Lấy thông tin chất lượng gửi ZNS hiện tại của OA
Chất lượng gửi ZNS của mẫu ZNS cụ thể	Lấy thông tin chi tiết template